



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm – Công ty cổ phần VIGLAFICO
Laboratory: *Testing Laboratory - Viglafico Joint Stock Company*

Tổ chức/
Cơ quan chủ quản: Công ty Cổ phần VIGLAFICO
Organization: *Viglafico Joint Stock Company*

Số hiệu/ Code: VILAS 1588

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Cơ
Field: *Mechanical*

Người quản lý: Khuất Quang Quyền
Laboratory manager: *Khuat Quang Quyen*

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày /08/2025 đến ngày /08/2030

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, xã Phú Cát, TP. Hà Nội
Address: *Hoa Lac High-Tech Park, Phu Cat Commune, Hanoi Capital*

Địa điểm: Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, xã Phú Cát, TP. Hà Nội
Location: *Hoa Lac High-Tech Park, Phu Cat Commune, Hanoi Capital*

Điện thoại/ Tel: 024.33947145

Email: info@viglafico.vn

Website: www.viglafico.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1588****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Ống nhựa nhiệt rắn gia cường sợi thủy tinh <i>Glass fiber reinforced polyester pipe</i>	Xác định kích thước <i>Determination of dimensions</i>	-	TCVN 6145:2007 ISO 3126:2005 ASTM D3567-17
2.		Xác định đặc tính tải trọng bên ngoài của ống nhựa bằng tấm ngoại tải song song <i>Determination of external loading characteristics of plastic pipe by parallel plate loading</i>	-	ASTM D2412-21
3.		Xác định độ cứng vòng riêng ban đầu <i>Determination of initial specific ring stiffness</i>	-	TCVN 10769:2015 ISO 7685:2019
4.		Phương pháp thử để kiểm chứng độ bền với biến dạng vòng ban đầu <i>Test methods to prove the resistance to initial ring deflection</i>	-	TCVN 10969:2015 ISO 10466:2021
5.		Xác định độ cứng rão vòng riêng dài hạn dưới các điều kiện ướt và tính toán hệ số rão ướt <i>Determination of the longterm specific ring creep stiffness under wet conditions and calculation of the wet creep factor</i>	-	TCVN 10970:2015 ISO 10468:2023
6.		Xác định biến dạng uốn tới hạn dài hạn và biến dạng vòng tương đối tới hạn dài hạn dưới các điều kiện ướt <i>Determination of the longterm ultimate bending strain and the long-term ultimate relative ring deflection under wet conditions</i>	-	TCVN 10971:2015 ISO 10471:2018
7.		Xác định độ bền kéo theo chiều dọc biểu kiến ban đầu <i>Determination of the initial longitudinal tensile strength</i>	-	TCVN 10967:2015 (Method A) ISO 8513:2023
8.		Xác định độ bền kéo hướng vòng biểu kiến ban đầu <i>Determination of the apparent initial circumferential tensile strength</i>	-	TCVN 10770:2015 (Method B, D) ISO 8521:2020

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1588

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Ống nhựa nhiệt rắn gia cường sợi thủy tinh <i>Glass fiber reinforced polyester pipe</i>	Xác định độ bền hóa học của phần bên trong ống chịu lệch dạng <i>Determination of the resistance to chemical attack for the inside of a section in a deflected condition</i>	-	ASTM D3681-23
10.		Xác định độ kín của thành ống dưới áp suất bên trong ngắn hạn <i>Determination of the leaktightness of the wall under short-term internal pressure</i>	-	TCVN 10767:2015 ISO 7511:1999 ASTM D1599-18
11.		Xác định hệ số độ rão ở điều kiện khô <i>Determination of the creep factor under dry conditions</i>	-	TCVN 10768:2015
12.		Xác định độ cứng của nhựa cứng bằng máy đo Barcol <i>Determination indentation Hardness of Rigid Plastics by Means of a Barcol Impressor</i>	Đến/to 100HBa	ASTM D2583-24
13.		Xác định cường độ nén của nhựa <i>Determination of compressive Properties of Rigid Plastics</i>	-	ISO 604:2002
14.		Xác định độ bền uốn của nhựa <i>Determination of flexural properties</i>	-	ISO 178:2019
15.		Xác định độ bám dính cắt chồng cho liên kết nhựa gia cường sợi (FRP) <i>Determination of lap shear adhesion for Fiber Reinforced Plastic (FRP) Bonding</i>	-	ASTM D5868-01
16.	Ống nhựa nhiệt rắn gia cường sợi thủy tinh, Nhựa nhiệt rắn <i>Glass fiber reinforced polyester pipe, resin</i>	Xác định độ bền kéo <i>Determination of tensile strength</i>	-	ASTM D 638-22
17.	Cát thạch anh <i>Quartz sand</i>	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng <i>Determination of bulk density and voids</i>	(1.35 ~1.55) g/cm ³	TCVN 7572-6:2006 ASTM C29/C29M-23

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1588

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese standards*
- ISO: Tiêu chuẩn hóa quốc tế/ *International Organization for Standardization*
- ASTM: *American Society for Testing and Materials*

Trường hợp Công ty Cổ phần Viglafico cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Viglafico phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Viglafico Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

